

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hưng, ngày 06 tháng 4 năm 2023

Số: 63/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Thành.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Sử.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 33, 35, 38, 39, 40, 51, 53, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 **Điều 27** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 19xx

HKTT: Thôn ĐP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TBC, xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Hữu T**, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T:* **Bà Đỗ Thị Diệu** – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T.

2.2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 14/11/19xx và Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 20/6/20xx. Ly hôn chị L, anh T thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Hữu H2 và chị L tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 4/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Thị H1 đã trên 18 tuổi chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

2.3.1. Chị L, anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 210, tờ bản đồ số 2, có tổng diện tích 263.5m² có địa chỉ: Thôn ĐP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (hiện anh T đang quản lý, sử dụng) trong đó diện tích 226m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/1996 mang tên anh Nguyễn Hữu T và diện tích 37,5m² đất vườn.

+ Thừa đất số 797, tờ bản đồ số 9, có diện tích 161m² có địa chỉ tại thôn TP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2017 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thị L.

- Đồ dùng sinh hoạt gồm: 01 chiếc xe máy Wave Anpha BKS 17B3-612.79 mang tên chị Nguyễn Thị L; 01 chiếc tivi LG đã hỏng, mua cuối năm 2021; 01 chiếc quạt nước mua năm 2019; 01 máy lọc nước kangaroo mua cuối năm 2021; 01 bộ bàn ghế gỗ salon mua khoảng năm 2014; 01 kệ tivi mua khoảng năm 2013; 01 tủ quần áo nhựa mua cuối năm 2021; 01 giường gỗ mua năm 2017.

- Số tiền phường 113.645.000 đồng (do ông Nguyễn Đức L1 làm chủ phường).

2.3.2. Chị L, anh T thống nhất thỏa thuận như sau:

- Chị L có quyền quản lý, sử dụng thừa đất số 797, tờ bản đồ số 9, có diện tích 161m² có địa chỉ tại thôn Trần Phú, xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2017 mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thị L trên đất

chưa có tài sản gì, trị giá: 966.000.000 đồng và có quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha BKS 17B3-612.79 mang tên chị Nguyễn Thị L. Tổng trị giá tài sản là: 980.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 210, tờ bản đồ số 2, có tổng diện tích 263,5m² có địa chỉ: Thôn ĐP, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trong đó diện tích 226m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/1996 mang tên anh Nguyễn Hữu T và diện tích 37,5m² đất vườn cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất, trị giá: 452.000.000 đồng và có quyền sở hữu các đồ dùng sinh hoạt gồm 01 chiếc tivi LG đã hỏng, mua cuối năm 2021, 01 chiếc quạt nước mua năm 2019, 01 máy lọc nước kangaroo mua cuối năm 2021, 01 bộ bàn ghế gỗ salon mua khoảng năm 2014, 01 kệ tivi mua khoảng năm 2013, 01 tủ quần áo nhựa mua cuối năm 2021, 01 giường gỗ mua năm 2017 và số tiền phưởng 113.645.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 899.387.957 đồng (anh T đã nhận đủ số tiền phưởng 113.645.000 đồng).

- Chị L có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 225.000.000 (*hai trăm hai mươi lăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3.3. Về nợ: Chị L, anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị L phải chịu án phí tài sản chung là 41.400.000 đồng, số tiền 10.200.000 đồng chị L đã nộp theo biên số 0003199 ngày 19/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng Hưng được chuyển thành án phí chia tài sản chung, chị L phải tiếp tục nộp số tiền 31.200.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 38.981.638 đồng, tuy nhiên hiện anh T là người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội nên miễn án phí cho anh Nguyễn Hữu T.

2.5. Về chi phí tố tụng: Chị L đã tạm ứng tiền chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá) tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Anh T, chị L thống nhất mỗi người chịu ½ là 6.000.000 đồng nên anh T phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng để trả cho chị L.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã ĐP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Hoàng Văn Thành